

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện xác định mức độ khuyết tật và thực hiện trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng cho đối tượng người khuyết tật

theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số đến:..... 677
	Ngày đến: 14/ 6/2013
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật (sau đây gọi tắt là Nghị định 28/2012/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác nhận mức độ khuyết tật thực hiện (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của liên Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chi tiết về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện (Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH);

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 52/TTr-SLĐTBXH ngày 04/6/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện xác định mức độ khuyết tật và thực hiện trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng cho đối tượng khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đảm bảo cho Người khuyết tật trên địa bàn tỉnh được xác định đúng mức độ khuyết tật để làm cơ sở thực hiện các chính sách đối với Người khuyết tật theo quy định của pháp luật; thực hiện chính sách trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng cho Người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật.

2. Yêu cầu

Việc xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật cho Người khuyết tật phải đảm bảo công khai, khách quan, chính xác và kịp thời; thực hiện chính sách trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng cho Người khuyết tật bảo đảm đúng theo quy định của Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. ĐỐI TƯỢNG XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT

Bao gồm những đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng và Trung tâm bảo trợ xã hội thuộc nhóm đối tượng Người tàn tật (*bao gồm cả người tàn tật không có khả năng tự phục vụ, người tàn tật không có khả năng lao động và trẻ em, người cao tuổi bị tàn tật*), nhóm đối tượng người tâm thần (*tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần điều trị nhiều lần nhưng không khỏi*) và Người khuyết tật khác mới phát sinh trên địa bàn.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật

a) Xác định mức độ khuyết tật

Trình tự, thủ tục thực hiện xác định mức độ khuyết tật thực hiện như sau:

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thành lập Hội đồng xác định mức độ khuyết tật theo quy định tại khoản 2 điều 16 của Luật Người khuyết tật.

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật của xã, phường, thị trấn thực hiện xác định mức độ khuyết tật theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương 2 của Thông tư Liên tịch 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT.

- Hội đồng Giám định y khoa tỉnh thực hiện xác định mức độ khuyết tật theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư Liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012.

b) Cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật

Căn cứ kết quả xác định mức độ khuyết tật, UBND xã, phường, thị trấn cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật theo quy định tại Chương 3 của Thông tư Liên tịch 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT.

c) Thời gian thực hiện

Hoàn thành việc xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận cho Người khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng và Trung tâm bảo trợ xã hội trong tháng 8/2013. Sau đó, thực hiện đối với Người khuyết tật mới phát sinh theo thời gian quy định kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của Người khuyết tật.

d) Kinh phí thực hiện

- Kinh phí, nội dung và mức chi để thực hiện xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật thực hiện theo quy định tại Điều 10,

11, Chương 4, Thông tư liên tịch 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT; Điều 13, Thông tư 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH.

Riêng kinh phí thực hiện năm 2013 về xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật và in phôi Giấy xác nhận khuyết tật, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí tạm ứng nguồn để các ngành, địa phương thực hiện.

2. Thực hiện trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng cho đối tượng khuyết tật theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP

a) Đối tượng

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và đối tượng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng thực hiện theo quy định tại điều 44 của Luật Người khuyết tật, cụ thể:

- Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng bao gồm:
 - + Người khuyết tật đặc biệt nặng;
 - + Người khuyết tật nặng.
- Đối tượng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng bao gồm:
 - + Gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người đó;
 - + Người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng;
 - + Người khuyết tật đặc biệt nặng, Người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

b) Mức trợ cấp hàng tháng, hỗ trợ mai táng phí:

- Hệ số tính mức trợ cấp hàng tháng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng và mức hỗ trợ mai táng phí đối với Người khuyết tật sống tại cộng đồng do xã, phường quản lý:

Hệ số tính mức trợ cấp xã hội hàng tháng, mức hỗ trợ chi phí mai táng phí, thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Nghị định 28/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Hệ số tính mức trợ cấp xã hội hàng tháng:

Chi tiết đối tượng	Hệ số trợ cấp
1. Người khuyết tật đặc biệt nặng	2
2. Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2,5
3. Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	2,5
4. Người khuyết tật nặng	1,5
5. Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2
6. Người khuyết tật nặng là trẻ em	2

+ Hệ số tính mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng:

Chi tiết đối tượng	Hệ số trợ cấp
1. Người khuyết tật đặc biệt nặng đang mang thai hoặc nuôi 1 con dưới 36 tháng tuổi	1,5
2. Người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi 1 con dưới 36 tháng tuổi	1,5
3. Người khuyết tật đặc biệt nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi	2
4. Người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi	2
5. Người khuyết tật đặc biệt nặng đang nuôi từ 2 con trở lên dưới 36 tháng tuổi	2
6. Người khuyết tật nặng đang nuôi từ 2 con trở lên dưới 36 tháng tuổi	2
7. Hộ gia đình đang nuôi dưỡng Người khuyết tật đặc biệt nặng	1
8. Nhận nuôi dưỡng, chăm sóc một Người khuyết tật đặc biệt nặng	1,5
9. Nhận nuôi dưỡng, chăm sóc từ 02 Người khuyết tật đặc biệt nặng trở lên	3

*** Lưu ý:**

+ Trường hợp Người khuyết tật đặc biệt nặng, Người khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội nhưng mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì vẫn được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc theo quy định.

+ Người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi có công với các mạng; đang hưởng hưu trí, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thì không được hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí chăm sóc hàng tháng.

+ Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội cùng loại chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

Mức hỗ trợ mai táng phí: Người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, khi chết được hưởng hỗ trợ chi phí mai táng bằng mức hỗ trợ mai táng đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trường hợp Người khuyết tật thuộc diện hưởng các mức hỗ trợ chi phí mai táng khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

- *Hệ số tính mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng và hỗ trợ mai táng phí đối với Người khuyết tật đặc biệt nặng được nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội:* Thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 28/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Hệ số tính mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng là 3 (ba); trường hợp Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em hoặc người cao tuổi thì hệ số mức trợ cấp là 4 (bốn).

+ Mức mai táng khi chết bằng mức hỗ trợ mai táng phí áp dụng đối với đối tượng bảo trợ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội.

c) *Hồ sơ, trình tự, thủ tục* thực hiện trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí chăm sóc hàng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng và hồ sơ, thủ tục tiếp nhận người khuyết tật đặc biệt nặng vào nuôi dưỡng chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định 28/2012/NĐ-CP và theo các mẫu biểu hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012.

d) *Thời gian thực hiện*

- Đối với những đối tượng người tàn tật, người tâm thần, trẻ em mồ côi, bỏ rơi tàn tật, người cao tuổi tàn tật đang hưởng theo Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP, sau khi xác định mức độ khuyết tật nếu thuộc diện trợ cấp xã hội hàng tháng theo Luật Người khuyết tật thì bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2013.

- Những đối tượng người tàn tật, người tâm thần, trẻ em mồ côi/bỏ rơi tàn tật, người cao tuổi tàn tật, hộ có 2 người tàn tật trở lên đang hưởng theo Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP sau khi xác định mức độ khuyết tật, nếu không thuộc diện trợ cấp xã hội hàng tháng theo Luật Người khuyết tật thì thôi hưởng trợ cấp xã hội từ ngày ký phát hành Giấy xác nhận mức độ khuyết tật, nhưng chậm nhất không quá ngày 31/7/2013.

- Những đối tượng phát sinh mới thuộc diện trợ cấp xã hội hàng tháng theo Luật khuyết tật thì bắt đầu thực hiện từ ngày ký phát hành Giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

e) *Kinh phí thực hiện*

Kinh phí thực hiện trợ cấp xã hội cho đối tượng Người khuyết tật và hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng Người khuyết tật hàng tháng tại cộng đồng theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 06/3/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội năm 2013.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan hướng dẫn triển khai việc xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận cho Người khuyết tật theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện kịp thời, chính xác đảm bảo theo nội dung Kế hoạch này.

- Dự toán kinh phí phối in phối Giấy xác nhận khuyết tật năm 2013, gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định. Từ năm 2014 trở đi, cùng với thời điểm lập dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cân đối chung trong dự toán toàn ngành gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giao dự toán.

2. Sở Y tế

Chỉ đạo Hội đồng Giám định y khoa tỉnh triển khai thực hiện công tác giám định để xác định dạng tật và mức độ khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH.

3. Sở Tài chính

Cùng với thời điểm lập dự toán hàng năm, trên cơ sở dự toán do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương lập, căn cứ vào khả năng ngân sách, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định kinh phí.

4. UBND các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thành lập Hội đồng xác nhận mức độ khuyết tật, triển khai việc xác định dạng tật và mức độ khuyết tật đối với Người khuyết tật trên địa bàn, cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật đảm bảo trung thực, chính xác, khách quan; thực hiện trợ cấp xã hội cho đối tượng Người khuyết tật thuộc diện theo đúng quy định và kịp thời.

- Chỉ đạo hướng dẫn triển khai việc xác định dạng tật, mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận cho Người khuyết tật và triển khai thực hiện trợ cấp xã hội cho Người khuyết tật thuộc diện theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy trình, thủ tục, nội dung theo Kế hoạch này.

- Chỉ đạo dự toán kinh phí xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật năm 2013, gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định. Từ năm 2014 trở đi, cùng với thời điểm lập dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng tổng hợp vào dự toán chung của địa phương, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giao dự toán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giáo đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Bảo trợ xã hội (Bộ LĐTBXH)
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa-Xã hội, HĐND tỉnh ;
- VPU: PVP(VX), KTHT, CBTH ;
- Lưu: VT, VHXX.nk434



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Thích